

**ĐỀ CƯƠNG GIỮA KÌ II MÔN TOÁN 6****THCS GIA THUY – LONG BIÊN****Năm học 2021-2022****I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức :****a. SỐ HỌC :**

- Thu thập, tổ chức, biểu diễn, phân tích và xử lý dữ liệu.
- Biểu đồ kép.
- Mô hình xác suất trong một số trò chơi và thí nghiệm đơn giản.
- Xác suất thực nghiệm trong một số trò chơi và thí nghiệm đơn giản.
- Phân số với tử và mẫu là các số nguyên.

**b. Hình học :**

- Bài 1 : Điểm, đường thẳng.
- Bài 2 : Hai đường thẳng cắt nhau, hai đường thẳng song song.

**2. Về kĩ năng :**

Củng cố và nâng cao kĩ năng làm bài tập thông qua các dạng bài tập ứng với từng nội dung kiến thức.

**3. Về thái độ :**

Giáo dục thái độ tích cực, chủ động, tính toán chính xác, cẩn thận và tự giác làm bài.

**4. Phát triển năng lực :** Năng lực mô hình toán học, năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**II. PHẠM VI ÔN TẬP : Kiến thức tuần 19 đến 23.**

**III. NỘI DUNG ÔN TẬP**

Danh sách 5 đội nhì các bảng giành vé vào vòng loại thứ 3 World Cup 2022 khu vực châu Á và 3 đội bị loại.

TT	BẢNG	ĐỘI BÓNG	TRẬN	THẮNG	HÒA	BAI	BÀN THẮNG	BÀN BẠI	HỆ SỐ	ĐIỂM
1	A	Trung Quốc	6	4	1	1	16	3	+13	13
2	E	Oman	6	4	0	2	9	5	+4	12
3	C	Iranq	6	3	2	1	6	3	+3	11
4	G	Việt Nam	6	3	2	1	6	4	+2	11
5	H	Lebanon	6	3	1	2	11	8	+3	10
6	F	Tajilistan	6	3	1	2	7	8	-1	10
7	D	Uzbekistan	6	3	0	3	12	9	+3	9
8	B	Kuwait	6	2	2	2	8	6	+2	8

**Câu 1:** Nhìn vào bảng thống kê hãy cho biết tại vòng loại World cup 2022 đội tuyển Việt Nam nằm ở bảng nào ?

- A. A                      B. G                      C. H                      D. B

**Câu 2:** Ở vòng loại đội tuyển Việt Nam được bao nhiêu điểm ?

- A. 11                      B. 2                      C. 4                      D. 6

**Câu 3:** Gieo hai con xúc xắc cân đối và quan sát số chấm xuất hiện ở mặt trên mỗi con xúc sắc, hãy đánh giá xem sự kiện nào sau là chắc chắn không thể xảy ra :

- A. Tổng số chấm xuất hiện trên hai con xúc xắc bằng 1.  
 B. Tổng số chấm xuất hiện trên hai con xúc xắc lớn hơn 1.  
 C. Hai mặt con xúc xắc cùng chấm.  
 D. Số chấm trên hai mặt con xúc xắc là số lẻ.

**Câu 4:** Nếu tung một đồng xu 50 lần liên tiếp, có 24 lần xuất hiện mặt S thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt S là:

- A.  $\frac{12}{25}$                       B.  $\frac{13}{25}$                       C.  $\frac{1}{24}$                       D.  $\frac{1}{50}$

**Câu 5:** Nếu tung một đồng xu 40 lần liên tiếp, có 16 lần xuất hiện mặt S thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt N là:

- A.  $\frac{2}{5}$                               B.  $\frac{3}{5}$                               C.  $\frac{1}{16}$                               D.  $\frac{1}{40}$

**Câu 6:** Một hộp có 10 chiếc thẻ được đánh số từ 1 đến 10. Rút ngẫu nhiên một chiếc thẻ từ trong hộp, ghi lại số của thẻ rút được và bỏ lại thẻ đó vào hộp. Sau 25 lần rút thẻ liên tiếp, nhận thấy có 4 lần lấy được thẻ đánh số 6. Xác suất thực nghiệm xuất hiện thẻ đánh số 6 là:

- A.  $\frac{1}{10}$                               B.  $\frac{4}{25}$                               C.  $\frac{6}{25}$                               D.  $\frac{1}{25}$

**Câu 7:** Một hộp có 1 quả bóng xanh, 1 quả bóng đỏ, 1 quả bóng vàng; các quả bóng có kích thước và khối lượng như nhau. Mỗi lần bạn Nam lấy ngẫu nhiên một quả bóng trong hộp, ghi lại của màu quả bóng lấy ra và bỏ lại quả bóng đó vào hộp. Sau 20 lần lấy bóng liên tiếp, bạn Nam có kết quả như sau:

Lần lấy bóng	Kết quả	Lần lấy bóng	Kết quả
1	Xuất hiện màu đỏ	11	Xuất hiện màu vàng
2	Xuất hiện màu xanh	12	Xuất hiện màu vàng
3	Xuất hiện màu đỏ	13	Xuất hiện màu xanh
4	Xuất hiện màu vàng	14	Xuất hiện màu xanh
5	Xuất hiện màu đỏ	15	Xuất hiện màu vàng
6	Xuất hiện màu vàng	16	Xuất hiện màu đỏ
7	Xuất hiện màu xanh	17	Xuất hiện màu xanh
8	Xuất hiện màu xanh	18	Xuất hiện màu đỏ
9	Xuất hiện màu đỏ	19	Xuất hiện màu xanh
10	Xuất hiện màu vàng	20	Xuất hiện màu đỏ

Xác suất thực nghiệm xuất hiện màu đỏ trong 20 lần lấy là :

- A.  $\frac{7}{20}$                       B.  $\frac{3}{10}$                       C.  $\frac{20}{7}$                       D.  $\frac{3}{20}$

**Câu 8:** Một hộp có 1 quả bóng xanh, 1 quả bóng đỏ, 1 quả bóng vàng; các quả bóng có kích thước và khối lượng như nhau. Mỗi lần bạn Nam lấy ngẫu nhiên một quả bóng trong hộp, ghi lại của mẫu quả bóng lấy ra và bỏ lại quả bóng đó vào hộp. Sau 20 lần lấy bóng liên tiếp, bạn Nam có kết quả như sau:

Lần lấy bóng	Kết quả	Lần lấy bóng	Kết quả
1	Xuất hiện màu đỏ	11	Xuất hiện màu vàng
2	Xuất hiện màu xanh	12	Xuất hiện màu vàng
3	Xuất hiện màu đỏ	13	Xuất hiện màu xanh
4	Xuất hiện màu vàng	14	Xuất hiện màu xanh
5	Xuất hiện màu đỏ	15	Xuất hiện màu vàng
6	Xuất hiện màu vàng	16	Xuất hiện màu đỏ
7	Xuất hiện màu xanh	17	Xuất hiện màu xanh
8	Xuất hiện màu xanh	18	Xuất hiện màu đỏ
9	Xuất hiện màu đỏ	19	Xuất hiện màu xanh
10	Xuất hiện màu vàng	20	Xuất hiện màu đỏ

Xác suất thực nghiệm xuất hiện màu vàng trong 20 lần lấy là :

- A.  $\frac{3}{10}$                       B.  $\frac{7}{20}$                       C.  $\frac{3}{20}$                       D.  $\frac{10}{3}$

**Câu 9:** Nếu gieo một con xúc xắc 22 lần liên tiếp, có 7 lần xuất hiện mặt 5 chấm thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 5 chấm là:

- A.  $\frac{7}{22}$                       B.  $\frac{5}{22}$                       C.  $\frac{1}{11}$                       D.  $\frac{5}{7}$

**Câu 10:** Nếu gieo một con xúc xắc 18 lần liên tiếp, có 3 lần xuất hiện mặt 1 chấm thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 1 chấm là:

- A.  $\frac{1}{6}$                       B.  $\frac{1}{18}$                       C. 1                      D.  $\frac{1}{3}$

**Câu 11 :** Nếu gieo một con xúc xắc 32 lần liên tiếp, có 14 lần xuất hiện mặt N thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 1 chấm là:

- A.  $\frac{7}{16}$                       B.  $\frac{9}{16}$                       C.  $\frac{16}{9}$                       D.  $\frac{16}{7}$

**Câu 12:** Một hộp có 1 viên bi màu xanh, 1 viên bi màu đỏ, 1 viên bi màu đen có kích thước như nhau. Lần lượt lấy ngẫu nhiên một viên bi trong hộp, ghi lại kết quả và bỏ lại vào hộp. Sau 20 lần lấy liên tiếp, xác suất thực nghiệm xuất hiện viên bi màu xanh là  $\frac{7}{20}$ , xác suất thực nghiệm xuất hiện viên bi màu đỏ là  $\frac{3}{10}$ . Xác suất thực nghiệm xuất hiện viên bi màu đen là:

- A.  $\frac{7}{20}$                       B.  $\frac{3}{10}$                       C.  $\frac{1}{2}$                       D.  $\frac{1}{20}$

**Câu 13:** Một hộp có 1 quả bóng xanh, 1 quả bóng đỏ, 1 quả bóng vàng. Bạn Hoa lấy ngẫu nhiên 1 quả bóng trong hộp, ghi lại kết quả và bỏ lại vào hộp. Sau 16 lần lấy liên tiếp thì xác suất thực nghiệm xuất hiện quả bóng màu vàng là  $\frac{1}{4}$ . Hỏi số lần bạn Hoa lấy được quả bóng vàng trong 16 lần lấy là bao nhiêu?

- A. 5 lần                      B. 4 lần                      C. 6 lần                      D. 16 lần

**Câu 14:** Một hộp có 4 thẻ bài kích thước như nhau có in chữ, lần lượt là: X;V;T;N. Lấy ngẫu nhiên một thẻ trong hộp, tập hợp các kết quả có thể xảy ra khi lấy ngẫu nhiên một thẻ bài trong hộp là:

- A. (X;V;T;N)                      B. {X;V;T;N}                      C. {T;N;T;V}                      D. {X;V;T;T}

**Câu 15:** Cho một túi kín có chứa một số viên bi màu xanh và đen, có cùng kích thước. Mai, Thúy, Khang, Tùng chơi một trò chơi với luật chơi như sau:

Mỗi người lấy ngẫu nhiên một viên bi từ túi, ghi màu viên bi lấy ra rồi trả lại viên bi vào túi. Mỗi người chơi 10 lần rồi tính số chênh lệch từ bi xanh và bi đen lấy được (số lớn trừ số bé). Người nào có số bi chênh lệch lớn hơn sẽ là người thắng.

Kết quả của Mai và Thúy sau khi lấy 10 lần là:

Mai lấy được 3 bi đen và 7 bi xanh; Tùng lấy được 4 bi đen và 6 bi xanh;

Thúy lấy được 6 bi đen và 4 bi xanh; Khang lấy được 5 bi đen và 5 bi xanh. Hỏi ai là người thắng?

- A. Mai    B. Thúy    C. Tùng    D. Khang

**Câu 16:** Kết thúc năm học 2020-2021 học lực của các bạn lớp 6A gồm các loại được thống kê ở bảng sau:

Xếp loại học lực	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu
Số lượng (học sinh)	18	15	7	0

Những học sinh đạt học lực khá và giỏi sẽ được thưởng. Vậy lớp 6A sẽ có bao nhiêu học sinh được thưởng?

- A. 18
- B. 23
- C. 33
- D. 43

**Câu 17:** Trường khảo sát môn thể thao yêu thích của các bạn ở trong lớp, thu được kết quả như sau:



	Nữ	Nam
Bóng đá	9	36
Cầu lông	25	24
Bơi lội	18	21
Bóng rổ	11	20
Khác	5	7

Môn thể thao được các bạn nam yêu thích nhất là:

- A. Cầu lông
- B. Bơi lội
- C. Bóng rổ
- D. Bóng đá

**Câu 18:** Trong hộp có 4 thẻ được đánh số 1, 2, 3, 4. Thảo lấy ngẫu nhiên 1 thẻ từ hộp, ghi số lại rồi trả lại hộp. Lặp lại hoạt động trên 20 lần, Thảo được kết quả như sau:

2	3	2	1	4	4	3	1	3	2
4	1	1	3	2	4	3	2	1	4

Xác suất thực nghiệm của sự kiện Thảo lấy được thẻ ghi số nguyên tố là:

- A.  $\frac{1}{2}$   
 B.  $\frac{15}{20}$   
 C.  $\frac{11}{20}$   
 D.  $\frac{9}{20}$

**Câu 19.** Gieo một con xúc xắc 6 mặt cân đối. Sự kiện nào sau đây chắc chắn không thể xảy ra:

- A. Mặt xuất hiện số chấm là số nguyên tố  
 B. Mặt xuất hiện số chấm chia hết cho 9  
 C. Mặt xuất hiện số chấm là số viết được dưới dạng bình phương  
 D. Mặt xuất hiện số chấm là số chia hết cho 5

**Câu 20.** Phân số  $\frac{2}{3}$  là phân số tối giản của phân số nào sau đây?

- A.  $\frac{140}{200}$       B.  $\frac{130}{210}$       C.  $\frac{180}{270}$       D.  $\frac{150}{300}$

**Câu 21.** Phân số nào sau đây bằng phân số  $\frac{3}{4}$ ?

- A.  $\frac{13}{20}$       B.  $\frac{3}{9}$       C.  $\frac{6}{8}$       D.  $\frac{10}{75}$

**Câu 22.** Trong các cách viết sau đây, cách viết nào cho ta một phân số?

- A.  $\frac{3}{0}$       B.  $\frac{3,1}{10}$       C.  $\frac{5}{6}$       D.  $\frac{30,8}{2,1}$

**Câu 23.** Cho đẳng thức  $4.10 = 2.5$ . Suy ra:

- A.  $\frac{4}{5} = \frac{2}{10}$       B.  $\frac{4}{10} = \frac{2}{5}$       C.  $\frac{5}{2} = \frac{4}{10}$       D.  $\frac{4}{2} = \frac{5}{10}$

**Câu 24.** Tìm khẳng định sai:

A.  $\frac{3}{2} = \frac{15}{10}$

B.  $\frac{-4}{3} = \frac{74}{53}$

C.  $\frac{5}{7} = \frac{-5}{-7}$

D.  $\frac{3}{-5} = \frac{-21}{35}$

**Câu 25.** Có bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt A và B?

A. 1

B. 2

C. 3

D. Vô số đường thẳng

**Câu 26.** Trên đường thẳng a lấy các điểm A, B, C, D theo thứ tự đó. Lấy điểm  $H \notin a$ . Với 5 điểm A, B, C, D, H đó ta có bao nhiêu bộ ba điểm không thẳng hàng?

A. 4

B. 5

C. 6

D. 7

**Câu 27.** Cho 8 điểm trong đó không có 3 điểm nào thẳng hàng. Cứ qua hai điểm ta kẻ một đường thẳng. Hỏi kẻ được bao nhiêu đường thẳng qua các điểm nói trên. Hãy chọn câu đúng:

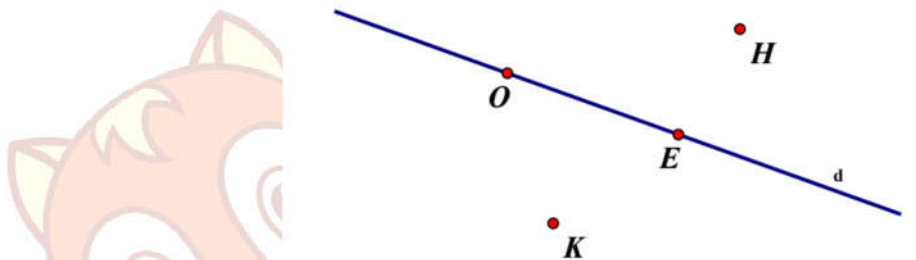
A. 64

B. 40

C. 56

D. 28

**Câu 28:** Trong hình vẽ dưới đây, đường thẳng d đi qua điểm nào:



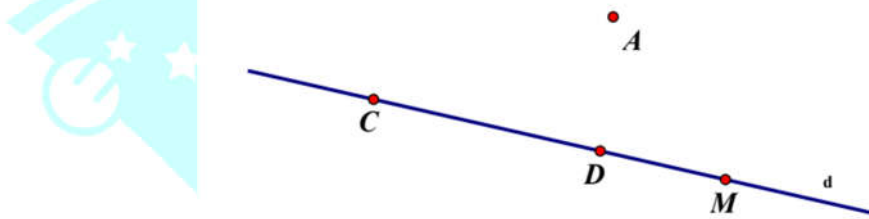
A. K, O

B. K, E

C. K, H

D. O, E

**Câu 29.** Trong hình vẽ dưới đây, kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng:



A. A, M, D

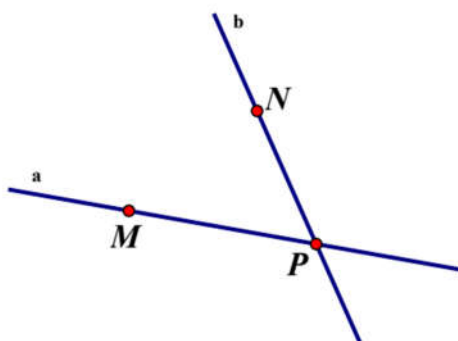
B. C, M, A

C. A, C, D

D. C, D, M

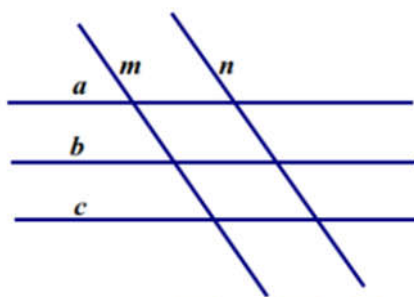


**Câu 30.** Chọn khẳng định đúng trong các khẳng định dưới đây?



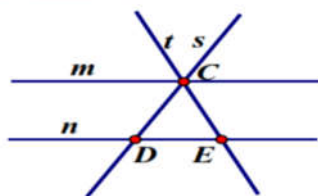
- A.  $M \in b$                       B.  $N \in a$                       C.  $P \in a$                       D.  $P \notin b$

**Câu 31.** Có bao nhiêu cặp đường thẳng song song trong hình vẽ sau:



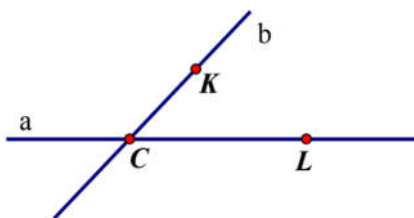
- A. 1                      B. 2                      C. 3                      D. 4

**Câu 32.** Cho hình vẽ, có bao nhiêu đường thẳng cắt nhau tại C?



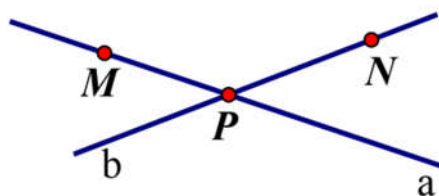
- A. 1                      B. 2                      C. 3                      D. 4

**Câu 33.** Trong hình vẽ dưới đây, điểm C thuộc đường thẳng nào?



- A. a                      B. b                      C. A,B                      D. a, b

Câu 34. Chọn khẳng định đúng trong các khẳng định dưới đây?



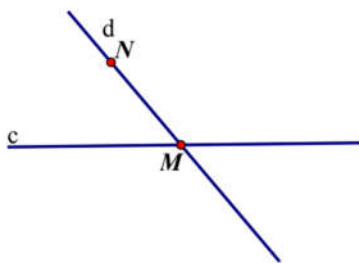
A.  $M \in b$

B.  $N \in a$

C.  $P \in a$

D.  $P \notin b$

Câu 35. Trong hình vẽ dưới đây, đường thẳng nào đi qua hai điểm M và N?



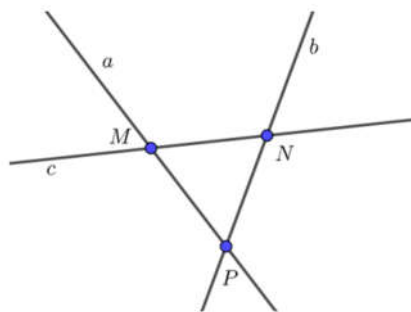
A. Đường thẳng C

B. Đường thẳng d

C. Đường thẳng D

D. Đường thẳng m.

Câu 36. Cho hình vẽ bên. Những đường thẳng đi qua điểm P là:



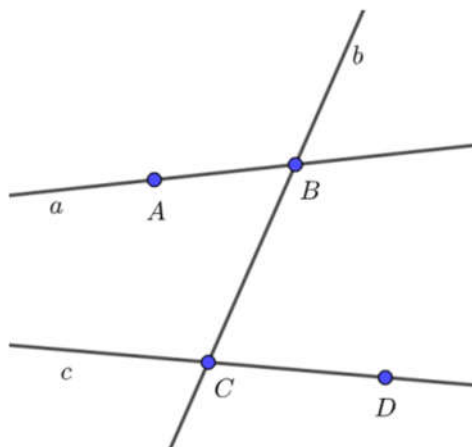
A. Hai đường thẳng a,c

B. Chỉ có đường thẳng a

C. Hai đường thẳng a, b

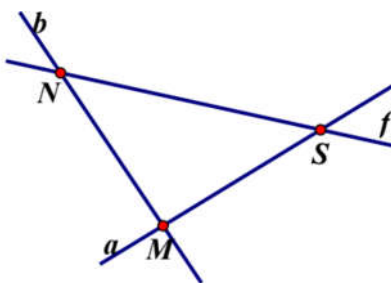
D. Chỉ có đường thẳng b

Câu 37. Cho hình vẽ bên. Khẳng định SAI trong những khẳng định dưới đây là



- A.  $A \in a$
- B.  $D \notin a$
- C.  $B \in b$
- D.  $C \notin b$

Câu 38. Những điểm nào thuộc đường thẳng a?

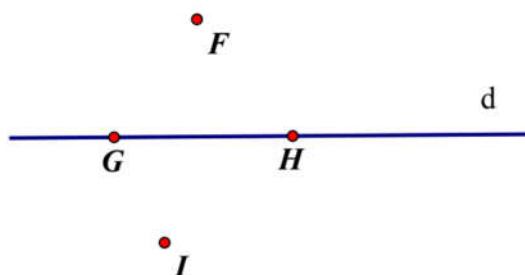


- A. N,M
- B. M,S
- C. N,S
- D. N,M,S

**Câu 39.** Dùng kí hiệu để ghi lại cách diễn đạt sau: “Đường thẳng  $a$  chứa điểm  $M$  và không chứa điểm  $P$ . Điểm  $O$  thuộc đường thẳng  $a$  và không thuộc đường thẳng  $b$ ”

- A.  $M \in a; P \notin a; O \in a; O \notin b$
- B.  $M \in a; P \notin a; O \notin a; O \notin b$
- C.  $M \notin a; P \in a; O \in a; O \notin b$
- D.  $M \notin a; P \notin a; O \in a; O \in b$

**Câu 40.** Trong hình vẽ dưới đây, đường thẳng  $d$  đi qua điểm nào?



- A. F,H
- B. G,I
- C. G,H
- D. F,I

